

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- Bản án số: **58/2019/DS-ST**;
- Ngày: 01.4.2019
- V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Hoàng Hoa

2. Ông Nguyễn Trung Trực

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa;*

Ngày 01 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 537/2018/TLST- DS ngày 25/12/2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-DS ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Bạch A, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

- Người đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thị Huỳnh C, sinh năm 1988**

Địa chỉ: ấp O, xã N, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

2. Bi đơn: Nguyễn Hồng B, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

(Các đương sự cùng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Lê Thị Bạch A cũng như qua hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Chị A có mua 03 phần hụi do chị B làm thảo hụi, cụ thể như sau:

- Ngày 12/02/2016 âm lịch, chị A có mua 01 phần hụi 2.000.000 đồng, gồm 20 phần, mua vào ngày 12/02/2016 do chị Nguyễn Hồng B làm đầu thảo với số tiền 26.000.000 đồng, chị A đã trả đủ tiền cho chị B và B có viết giấy tay và ký tên vào giấy mua bán hụi và đồng ý chịu trách nhiệm với số tiền bán hụi này;

- Ngày 30/10/2016 âm lịch, chị A mua 02 phần hui tháng do chị B làm thảo hui với số tiền 30.910.000 đồng, chị A đã trả đủ số tiền cho chị B và B có viết giấy tay và ký tên vào giấy mua bán hui và đồng ý chịu trách nhiệm với số tiền bán hui này;

- Ngày 30/7/2017, chị A tiếp tục mua 53 phần hui tuần do chị B làm thảo hui với giá 4.000.000 đồng với tổng số tiền 212.000.000 đồng. Chị A đã giao đủ tiền cho chị B và B có viết giấy tay và ký tên vào giấy mua bán hui và đồng ý chịu trách nhiệm với số tiền bán hui này;

Tổng cộng số tiền mua hui là 268.910.000 đồng.

Khi khởi kiện, chị A yêu cầu chị B phải trả cho chị A số tiền mua hui 268.910.000 đồng trong đó số tiền 26.000.000 đồng, chị B nói chị A mua hui của chị Thái Thị Mỹ D là em dâu của chị A nên chị D có nghĩa vụ trả cho chị A, chị B không đồng ý trả số tiền 26.000.000 đồng này thì chị A cũng đồng ý, chị A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 26.000.000 đồng này, do đó số nợ chị A yêu cầu chị B trả số nợ còn lại là 242.910.000 đồng. Việc chị B cho rằng chị D nợ chị B 250.000.000 đồng nên đợi khi chị D trả xong nợ cho chị B thì chị B sẽ trả cho chị A thì chị A không đồng ý. Chị D nợ chị B thì chị B có quyền khởi kiện để yêu cầu trả nợ, còn chị B nợ chị A thì chị B phải trả nợ cho chị A. Do đó, chị A yêu cầu chị B trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Hồng B trình bày:*

Chị B thừa nhận có làm thảo hui, chị A có mua 02 phần hui. Ngày 10/6/2017 âm lịch, chị B hui nên có viết giấy tổng kết nợ hui mua với chị A, cụ thể:

- Ngày 30/10/2016 âm lịch, A mua 02 phần hui tháng do chị B làm thảo hui với số tiền 30.910.000 đồng; chị B có viết giấy tay và ký tên vào giấy mua bán hui cho A và đồng ý chịu trách nhiệm với số tiền hui này;

- Ngày 30/7/2017 âm lịch, A tiếp tục mua 53 phần hui tuần do chị B làm thảo hui với giá 4.000.000 đồng với tổng số tiền 212.000.000 đồng; chị B có viết giấy tay và ký tên vào giấy mua bán hui cho A và đồng ý chịu trách nhiệm với số tiền hui này

Riêng phần hui mua 26.000.000 đồng của đây hui ngày 12/02/2016 âm lịch là tiền hui mà chị A mua hui của chị Thái Thị Mỹ D là em dâu của chị A, chứ không phải mua của chị B nên chị D sẽ trả cho chị A, chị B không đồng ý trả số tiền 26.000.000 đồng này cho chị A. Chị A xin rút yêu cầu khởi kiện này, chị B cũng đồng ý.

Do đó, số nợ hui chị B nợ chị A là 242.910.000 đồng. Nay chị B đồng ý trả chị A số nợ này nhưng xin trả khi chị Thái Thị Mỹ D (em dâu của chị A) trả nợ cho chị B xong vì chị D còn nợ chị B 250.000.000 đồng nên chị B không khả năng trả nợ cho chị A.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị A và chị B có thỏa thuận hợp đồng mua hui với nhau, do chị B vỡ hui nên ngưng tất cả các dây hui nhưng không trả lại tiền cho chị A nên chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị B trả lại số tiền chị A đã mua hui. Do đó,

Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng góp hui*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn hiện đang cư trú, sinh sống tại P, xã Q, huyện Chợ Gạo nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo có thẩm quyền giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, chị A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chị A xin rút yêu cầu khởi kiện đối với chị B để yêu cầu trả số tiền mua hui 26.000.000 đồng của dây hui ngày 12/02/2016 âm lịch; chị A vẫn giữ yêu cầu chị B trả số tiền hui đã mua ở 02 dây hui còn lại là 242.910.000 đồng. Xét thấy, việc chị A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, chị B thừa nhận chị làm thảo hui và chị A có mua 02 dây hui tháng do chị B làm thảo hui, cụ thể: chị A mua 02 phần hui tháng của dây hui ngày 30/10/2016 âm lịch với số tiền 30.910.000 đồng và mua 53 phần hui tuần với số tiền 212.000.000 đồng, tổng cộng 02 dây hui là 242.910.000 đồng. Khi hai bên mua bán hui, chị B có viết giấy tay và ký tên vào giấy mua bán hui cho A. Ngày 30/6/2017, chị B bị vỡ hui nên chị ngưng tất cả các dây hui nhưng không trả lại tiền cho chị A, nay chị đồng ý trả số nợ 242.910.000 đồng cho chị A. Xét thấy, chị B là thảo hui, chị A mua hui, do chị B vỡ hui và ngưng các dây hui nhưng không trả lại tiền cho chị A là vi phạm nghĩa vụ của thảo hui, do đó Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ hướng dẫn về hui, họ, biêu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, buộc chị B có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền mua hui 242.910.000 đồng.

[3] Về thời gian trả nợ: chị A yêu cầu chị B trả số tiền hui 242.910.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Chị B đồng ý trả nhưng xin trả khi chị Thái Thị Mỹ D (em dâu của chị A) trả nợ cho chị B xong vì chị D còn nợ chị B số tiền 250.000.000 đồng nên chị B không tiền trả nợ cho chị A. Xét thấy, chị B đã vi phạm nghĩa vụ của thảo hui, không giao số tiền hui cho hui viên khi hui viên lãnh hui, trong khi các dây hui này đã mãn hơn nửa số nợ lớn, nếu để kéo dài sẽ thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp của chị A. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc chị B có nghĩa vụ trả số nợ trên cho chị A ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, Điều 219, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hui, họ, biểu, phường;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bạch A**

1. Chị Nguyễn Hồng B có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Bạch A số tiền mua hui 242.910.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm mười nghìn đồng*), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn trả tiền, nếu chị Nguyễn Hồng B chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. **Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bạch A đối với chị Nguyễn Hồng B về việc yêu cầu chị Nguyễn Hồng B trả số tiền mua hui 26.000.000 đồng;**

Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị B phải nộp số tiền 12.145.500 đồng

Hoàn lại cho chị A số tiền 6.722.750 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015528 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

(đã ký)

Phạm Văn Tài